

Số: /SYT-NVYD

Kon Tum, ngày tháng 3 năm 2021

V/v cập nhật cách ly y tế
phòng chống dịch COVID-19
theo Công văn số 399/SYT-NVYD
(đến 10h00 ngày 02/3/2021)

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân, BCĐ phòng chống dịch COVID-19 các huyện, thành phố;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố.

Sở Y tế cập nhật hướng dẫn cách ly y tế phòng chống dịch COVID-19 theo Công văn số 399/SYT-NVYD ngày 29/01/2021, như sau:

Đối tượng cách ly y tế (kèm Phụ lục hướng dẫn các địa phương cách ly tập trung và cách ly tại nhà)

1. Đối tượng cách ly tại cơ sở y tế

- Các đối tượng theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.
- Bệnh nhân điều trị nội trú từ các cơ sở khám chữa bệnh có ca COVID-19 chưa được kiểm soát về địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng cách ly tập trung tại cơ sở cách ly tập trung

- Người tiếp xúc gần với ca bệnh xác định (người tiếp xúc vòng 1).
- Người có đến/ở/về từ các xã (hoặc tương đương) có ca COVID-19 trong cộng đồng.
- Người có đến/ở/về từ các tỉnh (hoặc tương đương), từ các huyện (hoặc tương đương) có nguy cơ cao với COVID-19 (địa phương đang thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg; đang phong tỏa do dịch COVID-19).
- Người đến/ở/về từ cơ sở khám chữa bệnh có ca COVID-19 chưa kiểm soát là người đến khám chữa bệnh ngoại trú, người nhà bệnh nhân hoặc người liên quan trực tiếp đến khoa, phòng của cơ sở khám chữa bệnh.

3. Đối tượng cách ly y tế tại nhà/lưu trú

- Người tiếp xúc với người tiếp xúc gần (người tiếp xúc vòng 2).
- Người có đến/ở/về từ các huyện (hoặc tương đương) có ca COVID-19 trong cộng đồng (trừ địa bàn xã đã cách ly tập trung).

- Người đến/ở/về từ các cơ sở khám chữa bệnh có ca COVID-19 chưa kiểm soát là đối tượng khác với mục 1, mục 2 Công văn này.

- Người có đến/ở/về từ các địa điểm công cộng khác có ca COVID-19 theo thông báo của Bộ Y tế (đối tượng này tùy yếu tố dịch tễ để có thể áp dụng biện pháp cách ly y tế phù hợp hơn).

4. Đối tượng lập danh sách theo dõi, giám sát y tế tại cộng đồng, tự theo dõi sức khỏe

- Đối tượng sau cách ly y tế theo quy định (chú ý đối tượng sau cách ly tập trung).

- Người có đến/ở/về từ các tỉnh (hoặc tương đương) có ca COVID-19 trong cộng đồng.

Sở Y tế đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; BCĐ phòng chống dịch COVID-19 các cấp; các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Trang Thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

GIÁM ĐỐC

Võ Văn Thanh

CẬP NHẬT: 10 h 00 , ngày 02 / 3 / 2021

Phụ lục I

CÁCH LY Y TẾ TẬP TRUNG

(Kèm theo Công văn số/SYT-NVYD ngày/3/2021
của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

TT	Địa phương, địa điểm	Thời gian dịch tễ
I	TỈNH HẢI DƯƠNG	
1	Thành phố Chí Linh	Từ ngày 15/01/2021
2	<i>Huyện Nam Sách: Xã Nam Tân, xã Đồng Lạc</i>	Từ ngày 15/01/2021
3	<i>Huyện Kim Thành: Xã Tuấn Việt, thị trấn Phú Thái, xã Kim Liên, xã Ngũ Phúc, xã Kim Khê</i>	Từ ngày 15/01/2021
4	<i>Huyện Cẩm Giàng: Thị trấn Lai Cách, xã Tân Trường, thị trấn Cẩm Giàng, xã Cẩm Điền, xã Cẩm Đông, xã Cẩm Hưng, xã Cao An, xã Lương Điền</i>	Từ ngày 15/01/2021
5	<i>Thị xã Kinh Môn: Xã Lê Ninh, xã Hiến Thành, phường Long Xuyên, phường Thái Thịnh, phường Bạch Đằng, phường Phú Thứ</i>	Từ ngày 15/01/2021
	<i>Thị xã Kinh Môn: phường An Sinh, xã Quang Thành, xã Minh Hoà, phường Tân Dân</i>	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 19/02/2021
6	<i>Thành phố Hải Dương: Phường Thạch Khôi, phường Trần Phú, phường Hải Tân</i>	Từ ngày 15/01/2021
7	<i>Huyện Ninh Giang: Thị trấn Ninh Giang, xã Vĩnh Hoà</i>	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 22/02/2021
8	<i>Huyện Tứ Kỳ: Xã Tân Kỳ</i>	Từ ngày 13/02/2021
9	<i>Huyện Thanh Miện: Xã Hồng Phong</i>	Từ ngày 16/02/2021
10	<i>Huyện Gia Lộc: Xã Yết Kiêu</i>	Từ ngày 14/02/2021
11	<i>Huyện Thanh Hà: Xã Thanh Hải, xã Hồng Lạc, xã An Phượng, xã Thanh Lang</i>	Từ ngày 13/02/2021
12	<i>Huyện Bình Giang: Thị trấn Kẻ Sặt, xã Vĩnh Hồng, xã Bình Xuyên</i>	Từ ngày 13/02/2021
13	TOÀN TỈNH HẢI DƯƠNG (các địa điểm khác giữ lại để theo dõi sau khi hết thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg)	Từ 00 giờ 00 ngày 16/02/2021
II	TỈNH QUẢNG NINH	
1	<i>Thành phố Hạ Long: Phường Hồng Hà, phường Cao Thắng, phường Hà Khẩu</i>	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 18/02/2021
2	Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 20/02/2021
3	<i>Thị xã Đông Triều: xã Việt Dân, xã Đức Chính, xã An Sinh, phường Hồng Phong, phường Hưng Đạo</i>	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 25/02/2021
	<i>Thị xã Đông Triều: Xã Bình Dương, xã Nguyễn Huệ, xã Thủy An</i>	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 25/02/2021
4	<i>Huyện Vân Đồn: Xã Đoàn Kết, thị trấn Cái Rồng</i>	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 20/02/2021
5	<i>Thành phố Cẩm Phả: Phường Mông Dương</i>	Từ ngày 27/01/2021
III	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	

TT	Địa phương, địa điểm	Thời gian dịch tễ
1	<i>Quận Hai Bà Trưng:</i> Phường Vĩnh Tuy	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
2	<i>Quận Cầu Giấy:</i> Phường Quan Hoa, phường Dịch Vọng, Dịch Vọng Hậu	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
3	<i>Quận Nam Từ Liêm:</i> Phường Xuân Phương, phường Mỹ Đình 2	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 21/02/2021
4	<i>Huyện Đông Anh:</i> Thị trấn Đông Anh, xã Uy Nỗ	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 22/02/2021
5	<i>Huyện Mê Linh:</i> Xã Tiên Thắng, xã Tiên Phong	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 28/02/2021
6	<i>Quận Đống Đa:</i> Phường Láng Hạ	Từ ngày 27/01/2021 đến hết ngày 17/02/2021
7	<i>Quận Ba Đình:</i> Phường Vĩnh Phúc, phường Điện Biên	Từ ngày 29/01/2021 đến hết ngày 01/3/2021
8	<i>Quận Tây Hồ:</i> Phường Quảng An	Từ ngày 01/02/2021 đến hết ngày 01/3/2021
9	<i>Quận Hoàn Kiếm:</i> Phường Phan Chu Trinh	Từ ngày 02/02/2021 đến hết ngày 01/3/2021
IV	TỈNH BẮC NINH	
1	<i>Huyện Lương Tài:</i> Xã Lâm Thao	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 19/02/2021
V	TỈNH GIA LAI	
1	<i>Thị xã Ayun Pa:</i> Phường Hoà Bình	Từ ngày 21/01/2021 đến hết ngày 24/02/2021
	<i>Thị xã Ayun Pa:</i> Phường Cheo Reo	Từ ngày 21/01/2021
2	<i>Huyện Ia Pa:</i> Xã Ia Mron, Trung tâm Y tế huyện Ia Pa, xã Ia KĐăm, xã Ia Trok, xã Pờ Tó, xã Kim Tân, xã Chư Mố	Từ ngày 21/01/2021 đến hết ngày 24/02/2021
3	<i>Huyện Kông Chro:</i> Thị trấn Kông Chro	Từ ngày 29/01/2021 đến hết ngày 21/02/2021
VI	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
1	<i>Quận Tân Bình:</i> Phường 15 , phường 13	Từ ngày 22/01/2021 đến hết ngày 23/02/2021
	<i>Quận Tân Bình:</i> Phường 1	Từ ngày 22/01/2021 đến hết ngày 21/02/2021
	<i>Quận Tân Bình:</i> Phường 2, phường 14	Từ ngày 22/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
2	<i>Quận 12:</i> Phường Trung Mỹ Tây, phường Đông Thuận	Từ ngày 22/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
3	<i>Quận 1:</i> Phường Nguyễn Cư Trinh	Từ ngày 22/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
4	<i>Quận Bình Thạnh:</i> Phường 21, phường 28	Từ ngày 24/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
5	<i>Quận Gò Vấp:</i> Phường 6, phường 10	Từ ngày 24/01/2021 đến hết ngày 21/02/2021
6	<i>Quận Bình Tân:</i> Phường Tân Tạo A, phường Bình Hưng Hoà B	Từ ngày 24/01/2021 đến hết ngày 21/02/2021
7	<i>Thành phố Thủ Đức:</i> Phường Tăng Nhơn Phú A,	Từ ngày 24/01/2021

TT	Địa phương, địa điểm	Thời gian dịch tễ
	phường Phước Long A	đến hết ngày 20/02/2021
8	<i>Quận 3</i> : Phường 9	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 20/02/2021
9	<i>Quận Tân Phú</i> : Phường Tây Thạnh	Từ ngày 06/02/2021 đến hết ngày 16/02/2021
VII	TỈNH BÌNH DƯƠNG	
1	<i>Huyện Phú Giáo</i> : Xã An Bình	Từ ngày 18/01/2021 đến hết ngày 18/02/2021
3	<i>Thành phố Thuận An</i> : Phường Vĩnh Phú	Từ ngày 18/01/2021 đến hết ngày 20/02/2021
VIII	TỈNH BẮC GIANG	
1	<i>Huyện Lục Nam</i> : Xã Cẩm Lý	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 24/02/2021
IX	TỈNH ĐIỆN BIÊN	
1	<i>Thành phố Điện Biên Phủ</i> : Xã Nà Tấu, xã Nà Nhạn	Từ ngày 03/02/2021 đến hết ngày 18/02/2021
2	<i>Huyện Mường Ảng</i> : Xã Ảng Tở, xã Mường Đăng	Từ ngày 03/02/2021 đến hết ngày 18/02/2021
X	TỈNH HÀ GIANG	
1	<i>Huyện Xín Mần</i> : Xã Tả Nhìu	Từ ngày 29/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
XI	TỈNH HƯNG YÊN	
1	Huyện Yên Mỹ	Từ ngày 25/01/2021 đến 09 giờ 30 ngày 26/02/2021
2	Huyện Khoái Châu	Từ ngày 10/02/2021 đến 09 giờ 30 ngày 26/02/2021
XII	THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	
1	<i>Huyện Thủy Nguyên</i> : Xã Hoàng Động	Từ ngày 07/02/2021
2	<i>Quận Lê Chân</i> : Phường Dư Hàng	Từ ngày 07/02/2021
3	<i>Huyện An Dương</i> : Xã Lê Thiện	Từ ngày 22/02/2021

Địa phương: Cách ly tập trung đối với xã (tương đương) có ca COVID-19 cộng đồng; các tỉnh (hoặc tương đương), các huyện (hoặc tương đương) có nguy cơ cao với COVID-19 (địa phương đang thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg; đang phong tỏa do COVID-19)

CẬP NHẬT: 10 h 00 , ngày 02 / 3 / 2021

Phụ lục II
CÁCH LY Y TẾ TẠI NHÀ
(Kèm theo Công văn số/SYT-NVYD ngày/3/2021
của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

TT	Địa phương, địa điểm	Thời gian dịch tễ
I	TỈNH HẢI DƯƠNG	
1	Các địa phương còn lại	Từ ngày 15/01/2021 đến 00 giờ 00 ngày 16/02/2021
II	TỈNH QUẢNG NINH	
1	Thành phố Hạ Long	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 18/02/2021
2	Thị xã Đông Triều	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 25/02/2021
3	Huyện Vân Đồn	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 20/02/2021
4	Thành phố Cẩm Phả	Từ ngày 27/01/2021
III	HÀ NỘI	
1	Quận Hai Bà Trưng	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
2	Quận Cầu Giấy	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
3	Quận Nam Từ Liêm	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 21/02/2021
4	Huyện Đông Anh	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 22/02/2021
5	Huyện Mê Linh	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 28/02/2021
6	Quận Đống Đa	Từ ngày 27/01/2021 đến hết ngày 17/02/2021
7	Quận Ba Đình	Từ ngày 29/01/2021 đến hết ngày 01/3/2021
8	Quận Tây Hồ	Từ ngày 01/02/2021 đến hết ngày 01/3/2021
9	Quận Hoàn Kiếm	Từ ngày 02/02/2021 đến hết ngày 01/3/2021
IV	BẮC NINH	
1	Huyện Lương Tài	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 19/02/2021
V	TỈNH GIA LAI	
1	Thị xã Ayun Pa	Từ ngày 21/01/2021
2	Huyện Ia Pa	Từ ngày 21/01/2021 đến hết ngày 24/02/2021

TT	Địa phương, địa điểm	Thời gian dịch tễ
3	Huyện Kông Chro	Từ ngày 29/01/2021 đến hết ngày 21/02/2021
VI	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
1	Quận Tân Bình	Từ ngày 22/01/2021 đến hết ngày 23/02/2021
2	Quận 12	Từ ngày 22/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
3	Quận 1	Từ ngày 22/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
4	Quận Bình Thạnh	Từ ngày 24/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
5	Quận Gò Vấp	Từ ngày 24/01/2021 đến hết ngày 21/02/2021
6	Quận Bình Tân	Từ ngày 24/01/2021 đến hết ngày 21/02/2021
7	Thành phố Thủ Đức: Khu vực Quận 9 cũ	Từ ngày 24/01/2021 đến hết ngày 20/02/2021
8	Quận 3	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 20/02/2021
9	Quận Tân Phú	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
VII	TỈNH BÌNH DƯƠNG	
1	Huyện Phú Giáo	Từ ngày 18/01/2021 đến hết ngày 18/02/2021
2	Thành phố Thuận An	Từ ngày 18/01/2021 đến hết ngày 20/02/2021
VIII	TỈNH BẮC GIANG	
1	Huyện Lục Nam	Từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 24/02/2021
IX	TỈNH ĐIỆN BIÊN	
1	Thành phố Điện Biên Phủ	Từ ngày 03/02/2021 đến hết ngày 18/02/2021
2	Huyện Mường Ảng	Từ ngày 03/02/2021 đến hết ngày 18/02/2021
X	TỈNH HÀ GIANG	
1	Huyện Xín Mần	Từ ngày 29/01/2021 đến hết ngày 16/02/2021
XI	THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	
1	Huyện Thủy Nguyên	Từ ngày 07/02/2021
2	Quận Lê Chân	Từ ngày 07/02/2021
3	Huyện An Dương	Từ ngày 22/02/2021